

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Ban hành kèm theo quyết định số 230/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 26/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

NGÀY THI: 19/5/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Hoàng Thị	Bạch	27/08/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,0	CNTT/20/0958	DBG000973	Đạt	
2	CNTT02	Đặng Văn	Bình	19/12/1984	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,0	CNTT/20/0959	DBG000972	Đạt	
3	CNTT03	Dương Văn	Chí	14/11/1980	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,7	6,0	CNTT/20/0960	DBG000971	Đạt	
4	CNTT04	Dương Hữu	Dũng	29/08/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,5	CNTT/20/0961	DBG000970	Đạt	
5	CNTT05	Dương Hữu	Đảng	05/8/1972	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	CNTT/20/0962	DBG000969	Đạt	
6	CNTT06	Mông Trường	Giang	28/10/1988	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,5	CNTT/20/0963	DBG000968	Đạt	
7	CNTT07	Dương Hồng	Hạnh	24/08/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	8,0	CNTT/20/0964	DBG000967	Đạt	
8	CNTT08	Dương Thị	Hiên	18/12/1991	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	7,5	CNTT/20/0965	DBG000966	Đạt	
9	CNTT09	Dương Văn	Hợp	15/01/1982	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,0	CNTT/20/0966	DBG000965	Đạt	
10	CNTT10	Hoàng Đình	Huyện	13/08/1981	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	CNTT/20/0967	DBG000964	Đạt	
11	CNTT11	Hoàng Đình	Hưng	17/10/1976	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	CNTT/20/0968	DBG000963	Đạt	
12	CNTT12	Nông Thị	Hương	18/08/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,5	CNTT/20/0969	DBG000962	Đạt	
13	CNTT13	Hoàng Văn	Mạnh	02/01/1978	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,5	CNTT/20/0970	DBG000961	Đạt	
14	CNTT14	Phạm Ngọc	Minh	20/08/1973	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	CNTT/20/0971	DBG000960	Đạt	
15	CNTT15	Bàn Văn	Nảy	09/04/1983	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,7	6,5	CNTT/20/0972	DBG000959	Đạt	
16	CNTT16	Nguyễn Thị	Nga	09/10/1982	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	5,5	CNTT/20/0973	DBG000958	Đạt	
17	CNTT17	Nguyễn Thị	Phương	02/02/1988	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,5	CNTT/20/0974	DBG000957	Đạt	
18	CNTT18	Lý Thị	Phượng	30/08/1985	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	CNTT/20/0975	DBG000956	Đạt	
19	CNTT19	Hoàng Thị	Tám	14/11/1985	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	CNTT/20/0976	DBG000955	Đạt	
20	CNTT20	Dương Văn	Thành	17/11/1984	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,7	6,5	CNTT/20/0977	DBG000954	Đạt	
21	CNTT21	Vũ Thị	Thảo	04/02/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,0	CNTT/20/0978	DBG000953	Đạt	
22	CNTT22	Lệnh Văn	Thịnh	20/02/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	CNTT/20/0979	DBG000952	Đạt	
23	CNTT23	Lộc Xuân	Toại	04/04/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	CNTT/20/0980	DBG000951	Đạt	
24	CNTT24	Hoàng Văn	Tú	15/01/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	CNTT/20/0981	DBG000950	Đạt	
25	CNTT25	Dương Công	Vinh	03/11/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	CNTT/20/0982	DBG000949	Đạt	
26	CNTT26	Hoàng Văn	Vũ	23/11/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	CNTT/20/0983	DBG000948	Đạt	
27	CNTT27	Dương Công	Ba	04/01/1976	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	5,5	CNTT/20/0984	DBG000947	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
28	CNTT28	Dương Thị Hải	Châu	01/04/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	CNTT/20/0985	DBG000946	Đạt	
29	CNTT29	Lộc Văn	Chí	04/05/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,0	CNTT/20/0986	DBG000945	Đạt	
30	CNTT30	Dương Thị	Dung	05/10/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	CNTT/20/0987	DBG000944	Đạt	
31	CNTT31	Hoàng Văn	Duy	27/11/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	CNTT/20/0988	DBG000943	Đạt	
32	CNTT32	Hà Thị	Duyên	29/08/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	CNTT/20/0989	DBG000942	Đạt	
33	CNTT33	Phạm Hồng	Giang	23/01/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	CNTT/20/0990	DBG000941	Đạt	
34	CNTT34	Nông Thị Thu	Hà	12/02/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,0	CNTT/20/0991	DBG000940	Đạt	
35	CNTT35	Hoàng Thị	Hào	18/09/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	CNTT/20/0992	DBG000939	Đạt	
36	CNTT36	Hoàng Thị	Hoa	15/08/1995	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	CNTT/20/0993	DBG000938	Đạt	
37	CNTT37	Lê Thị Thu	Hoài	23/03/1992	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,0	CNTT/20/0994	DBG000937	Đạt	
38	CNTT38	Hoàng Văn	Hồng	29/03/1967	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,5	CNTT/20/0995	DBG000936	Đạt	
39	CNTT39	Đường Thị	Huyền	07/03/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	CNTT/20/0996	DBG000935	Đạt	
40	CNTT40	Dương Thị	Linh	21/09/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	CNTT/20/0997	DBG000934	Đạt	
41	CNTT41	Triệu Quỳnh	Luân	25/06/1985	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,0	CNTT/20/0998	DBG000933	Đạt	
42	CNTT42	Nguyễn Thị	Phương	20/12/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	6,0	CNTT/20/0999	DBG000932	Đạt	
43	CNTT43	Hoàng Thị	Sim	06/06/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	CNTT/20/1000	DBG000931	Đạt	
44	CNTT44	Bùi Thị	Thu	07/11/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,0	CNTT/20/1001	DBG000930	Đạt	
45	CNTT45	Hoàng Ngọc	Thúy	29/02/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	CNTT/20/1002	DBG000929	Đạt	
46	CNTT46	Hoàng Minh	Thùy	30/10/1998	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	CNTT/20/1003	DBG000928	Đạt	
47	CNTT47	Lường Thị	Trang	18/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,0	CNTT/20/1004	DBG000927	Đạt	
48	CNTT48	Ma Thị	Yêu	20/11/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,0	CNTT/20/1005	DBG000926	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 48

Bắc Giang, ngày 26 tháng 5 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

THƯ KÝ

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang